

Số 100 /QĐ-CDVĐ

Tp. HCM, ngày 15 tháng 11 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành "Quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy**  
**theo hệ thống tín chỉ"**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỄN ĐÔNG**

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-BGD&ĐT ngày 17/01/2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thành lập Trường Cao đẳng Viễn Đông;

Căn cứ quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học Đào tạo mở rộng của nhà trường góp ý kiến xây dựng Quy chế đào tạo bậc cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ngày 10 tháng 11 năm 2010;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách phòng đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**Điều 2.** Quyết định này được thực hiện từ năm học 2010-2011. Mọi quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ;

**Điều 3.** Các Ông(Bà) Trưởng khoa, Trưởng bộ môn, Trưởng các phòng chức năng và toàn thể sinh viên Trường Cao đẳng Viễn Đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Phòng, Khoa, Bộ môn;
- Lưu: VT, TC-HC, ĐT./.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Th.S TRẦN THANH HẢI**

# QUY CHẾ ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-CDVD, ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Hiệu

trưởng trường Cao đẳng Viễn Đông

---

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo bậc cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Cao đẳng Viễn Đông, bao gồm: tổ chức đào tạo, đánh giá học phần, xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo chính quy tại trường Cao đẳng Viễn Đông (sau đây gọi tắt là trường) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

### Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) của trường Cao đẳng Viễn Đông được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình này đảm bảo cơ cấu nội dung các học phần, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian giữa các môn khoa học cơ bản, cơ sở và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập nhằm giúp sinh viên nắm vững các kiến thức giáo dục đại cương và các kiến thức, kỹ năng cơ sở của ngành và liên ngành đúng theo yêu cầu đào tạo bậc cao đẳng chính quy.

Chương trình đào tạo gồm hai khối kiến thức:

*Kiến thức giáo dục đại cương* : là kiến thức của những môn khoa học cơ bản vừa có tính chất đại cương của bậc cao đẳng vừa có tính chất nền tảng cho việc đào tạo chuyên ngành. Phần kiến thức này chủ yếu được giảng dạy ở ba học kỳ đầu của khóa học.

*Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp* : là kiến thức của những môn khoa học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng của một ngành đào tạo mà họ đã chọn để đạt trình độ Cử nhân tùy theo ngành. Phần kiến thức này được giảng dạy trên cơ sở nền tảng của phần kiến thức giáo dục đại cương.

### Tín chỉ

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết và 30 tiết chuẩn bị bài ở nhà; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận và 15 tiết chuẩn bị bài ở nhà; 45 tiết tự học, tự nghiên cứu.

Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của từng ngành đào tạo.

Một tiết học được tính bằng 50 phút.

## Học phần

*Học phần* là đơn vị cấu thành của chương trình đào tạo, gồm tập hợp những tri thức về một lĩnh vực chuyên môn và được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Hoạt động học tập giảng dạy của một học phần bao gồm một hay kết hợp một số trong các hình thức sau:

- Giảng dạy lý thuyết – tổ chức thành các lớp học phần;
- Giảng dạy, hướng dẫn thực hành, bài tập – tổ chức theo lớp hay theo từng nhóm;
- Giảng dạy thí nghiệm, thực hành tại phòng thí nghiệm, xưởng;
- Hướng dẫn thực tập, thực tập tốt nghiệp tại các cơ sở bên ngoài;
- Hướng dẫn đồ án, tiểu luận và khóa luận tốt nghiệp theo từng đề tài.

Học phần có mã số riêng và số tín chỉ hoàn toàn xác định. Một số học phần có các học phần tiên quyết, học phần trước hay học phần song hành (xem định nghĩa ở phần tiếp sau).

Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: giới thiệu tóm tắt học phần; các học phần tiên quyết, học phần trước, học phần song hành; cách đánh giá học phần; nội dung chính các chương mục; các giáo trình, tài liệu tham khảo;... Đề cương được Khoa phê duyệt và công bố cùng với chương trình đào tạo. Nội dung đề cương chi tiết được giảng viên thông báo tới người học trong buổi học đầu tiên của học phần.

### *Học phần bắt buộc*

Đây là các học phần trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành và chuyên ngành đào tạo mà sinh viên bắt buộc phải hoàn tất đạt yêu cầu để được xét tốt nghiệp.

### *Học phần bắt buộc theo lựa chọn chuyên ngành hoặc hướng chuyên môn*

Đây là các học phần trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung cơ bản của một chuyên ngành hay hướng chuyên môn, mà tất cả các sinh viên sau khi lựa chọn hoặc được phân vào chuyên ngành đào tạo tương ứng đều bắt buộc phải hoàn tất đạt yêu cầu để được xét tốt nghiệp.

### *Học phần và nhóm học phần tự chọn*

Đây là các học phần trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung cần thiết cho định hướng nghề nghiệp mà sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học. Học phần tự chọn được xếp theo từng nhóm. Để đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên phải hoàn tất đạt yêu cầu một số môn nhất định trong từng nhóm nhằm tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho nhóm học phần tự chọn tương ứng. Đối với một học phần tự chọn nếu không đạt sinh viên có quyền chọn đăng ký học lại chính học phần đó hoặc lựa chọn học các môn tự chọn khác cùng nhóm để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Sinh viên không nhất thiết phải học lại học phần tự chọn chưa đạt nếu đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm.

### *Học phần thay thế, học phần tương đương*

Môn tương đương được hiểu là một hay một nhóm học phần thuộc CTĐT một khóa-ngành khác đang tổ chức đào tạo tại trường được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong CTĐT của ngành đào tạo.

Khái niệm học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy. Các học phần hay nhóm học phần thay thế hoặc tương đương do khoa quản lý chuyên môn đề xuất và là các phần bổ sung cho CTĐT trong quá trình vận hành. Học phần thay thế hoặc tương đương được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa-ngành.

#### *Học phần tiên quyết*

Học phần A là môn tiên quyết của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học và hoàn tất đạt môn A (theo thang điểm đánh giá trong chương 3 của quy chế này).

#### *Học phần trước*

Học phần A là học phần trước của học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký và được xác nhận học xong môn A (có thể chưa đạt). Sinh viên được phép đăng ký học môn B vào học kỳ tiếp sau học kỳ đã học môn A.

#### *Học phần song hành*

Học phần A là học phần song hành của một học phần B, khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học môn A. Sinh viên đăng được phép ký học môn B vào cùng học kỳ đã đăng ký học môn A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.

### **Thời gian hoạt động giảng dạy**

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 6h50 đến 20h hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Phòng đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

### **Lớp học phần và điều kiện mở lớp**

Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần, có cùng thời khóa biểu của học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp học phần được giới hạn bởi sức chứa của phòng học/phòng thí nghiệm hoặc được sắp xếp theo các yêu cầu riêng đặc thù của học phần.

Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần lý thuyết là :

- Ít nhất 30 sinh viên đăng ký cho đa số các học phần.
- Ít nhất 60 sinh viên cho các học phần cơ bản, cơ sở .
- Trong trường hợp các môn chuyên ngành, nếu có đề nghị của khoa quản lý ngành trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới 30 sinh viên.

Các học phần đồ án bao gồm cả khóa luận tốt nghiệp, các môn thí nghiệm, thực tập được mở theo khả năng sắp xếp đảm nhận của đơn vị chuyên môn, các phòng thí nghiệm.

### **Lớp biên chế và Giảng viên cố vấn (GVCV)**

Lớp biên chế được tổ chức theo Quy chế Công tác sinh viên. Mỗi lớp biên chế có một tên riêng gắn với ngành, khóa đào tạo và do một giảng viên cố vấn phụ trách. Giảng viên cố vấn đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về các vấn đề học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa đào tạo.

Tổ chức hoạt động của lớp biên chế, vai trò và trách nhiệm của giảng viên cố vấn được quy định rõ trong quy chế Công tác sinh viên của trường Cao đẳng Viễn Đông.

---

## **Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

### **Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khoá học, ngành nghề mà thực hiện từ hai đến ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông;

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và từ 2 đến 4 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ (học kỳ hè) để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng thêm 4 học kỳ.

### **Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường, sinh viên phải nộp đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng Công tác học sinh sinh viên của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

## **Sắp xếp sinh viên vào học các ngành đào tạo**

Trường Cao đẳng Viễn Đông xác định điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh, do đó những thí sinh trúng tuyển vào trường được sắp xếp vào học các ngành đào tạo đã đăng ký.

## **Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, trường sẽ thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng đào tạo của trường. Để đăng ký cho học kỳ này thì sinh viên sẽ thực hiện từ cuối học kỳ trước, sau khi có điểm tất cả các học phần kỳ trước.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 20 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng đào tạo của trường lưu giữ.

## **Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận trong vòng 4 tuần kể từ đầu học kỳ chính; trong vòng 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo của trường;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 11 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng đào tạo.

## **Đăng ký học lại**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt.
2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.
3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần đã đạt để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

## **Nghỉ ốm**

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

## **Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:
  - a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ;
  - b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 70 tín chỉ;
  - c) Sinh viên năm thứ ba: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 tín chỉ đến dưới 110 tín chỉ;
2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:
  - a) *Hạng bình thường*: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
  - b) *Hạng yếu*: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.
3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

## **Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:
  - a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
  - b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
  - c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 17 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới .

### **Bị buộc thôi học**

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
  - a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;
  - b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;
  - c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này;
  - d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

2. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng sẽ xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Học cùng lúc hai chương trình**

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.
2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:
  - a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
  - b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;
  - c) Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;
  - d) Sinh viên phải bổ túc đầy đủ hồ sơ xét tuyển và được thông qua hội đồng tuyển sinh vào đầu mỗi năm học nếu chương trình thứ nhất không thuộc Cao đẳng Viễn Đông.
3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.



5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

### **Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

- a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
- b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
- c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường và trường xin chuyển đến;
- d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
- b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
- c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
- d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

- a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;
- b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

---

## **Chương III ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

### **Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

### **Kỳ thi kết thúc học phần - học lại**

1. Trong mỗi học kỳ, trường tổ chức hai kỳ thi chung bao gồm : một kỳ thi kiểm tra cuối học phần, một kỳ thi lại dành cho các sinh viên không đạt trong kỳ thi chính thức.

2. Đối với học phần bắt buộc hoặc học phần lựa chọn bắt buộc theo ngành/chuyên ngành, nếu sinh viên có điểm tổng kết học phần không đạt thì bắt buộc phải đăng ký học lại khi học phần đó được tổ chức giảng .

3. Đối với học phần tự chọn nếu không đạt sinh viên có quyền chọn đăng ký học lại chính học phần đó hoặc lựa chọn học các môn tự chọn khác cùng nhóm để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ.

Sinh viên không nhất thiết phải học lại học phần tự chọn chưa đạt nếu đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm tương ứng.

4. Đối với học phần bất kỳ đã có kết quả đạt, sinh viên được phép đăng ký học lại để cải thiện điểm. Điểm của tất cả các lần học được ghi trong bảng điểm các học kỳ và trong bảng điểm tốt nghiệp. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình tích lũy.

Thủ tục đăng ký học lại hoặc đăng ký học cải thiện điểm hoàn toàn giống như thủ tục đăng ký học phần lần đầu. Sinh viên có thể đăng ký vào bất kỳ học kỳ nào mà học phần có mở lớp.

5. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 1/2 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

### **Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng sẽ duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thời hạn tối đa công bố điểm cho sinh viên là 12 ngày kể từ ngày thi. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cán bộ coi thi, giảng viên chấm thi, giáo vụ khoa, lãnh đạo khoa và làm thành ba bản.

Một bản lưu tại khoa phụ trách học phần, một bản công bố cho sinh viên và một bản (bản chính) gửi về phòng đào tạo của trường chậm nhất là 10 ngày sau khi thi kết thúc học phần.

5. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trường khoa cho phép, được dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

### Thang điểm đánh giá

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được cho theo thang điểm 10, làm tròn thành số nguyên. Điểm học phần là tổng các điểm bộ phận, tính theo trọng số quy định, được cho theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân. Phòng đào tạo có nhiệm vụ quy đổi đánh giá về thang điểm hệ 4 và điểm chữ. Nguyên tắc quy đổi như trong bảng 1.

Bảng 1

Xếp loại		Thang điểm đánh giá hệ 10				Thang điểm hệ 4	
						Điểm chữ	Điểm số
<b>Đạt</b> (Tích lũy)	Xuất sắc	từ	9	đến	10	A+	4
	Giỏi	từ	8	đến cận	9	A	3,5
	Khá	từ	7	đến cận	8	B <sup>+</sup>	3
	TB khá	từ	6	đến cận	7	B	2,5
	Trung bình	từ	5	đến cận	6	C	2
	Trung bình yếu	từ	4	đến cận	5	D	1,5
<b>Không đạt</b>	Kém	từ	3	đến cận	4	F	1
		từ	0	đến cận	3	F	0

2. Ngoài các điểm bình thường như trên thì trong bảng điểm còn có một số điểm đặc biệt cho các tình huống học vụ khác nhau được quy định như trong bảng 2.

Bảng 2

Ý nghĩa – tên điểm	Điểm chữ	Ghi chú - Tính ĐTB và tích lũy
Cấm thi	F	Tính như điểm 0 (Xem mục 24.1)
Miễn thi (điểm thưởng)	M	Ghi chú tạm trong bảng điểm học kỳ, điểm miễn (hệ 4) sẽ do Khoa đề nghị khi hoàn tất thủ tục (Xem mục 24.2)
Vắng thi không phép	F	Tính như điểm 0
Vắng thi có phép	I	Tính chưa tích lũy (Xem mục 24.3)
Chưa nhận được điểm thi	R	Ghi chú tạm, tính chưa tích lũy
Rút học phần	Z	Không tính điểm (Xem mục 24.4)
Miễn học (bảo lưu)	X	Tích lũy, ghi trong mục bảo lưu và không tính vào ĐTBHK (Xem mục 24.5)
Hủy học phần	H	Xóa hoàn toàn trong dữ liệu điểm

## **Các điểm đặc biệt trong bảng điểm**

1. "Cấm thi" hay cho "Điểm F" là hình thức xử lý các sinh viên vì một trong các lý do sau:

a. Không thực hiện đầy đủ các phần bắt buộc của học phần theo các quy định trong đề cương học phần (ví dụ: phần thí nghiệm trong học phần lý thuyết, phần bài tập lớn, báo cáo, tiểu luận,...);

b. Vi phạm nghiêm trọng kỷ luật học tập, nội quy học đường, gian dối trong học tập.

Trong buổi học đầu tiên của học phần, cán bộ giảng dạy công bố cho sinh viên quy định về các phần bắt buộc theo mục (a) – nếu có. Danh sách sinh viên bị cấm thi do cán bộ giảng dạy đề nghị và do bộ môn hoặc khoa duyệt công bố. Danh sách sinh viên bị cấm thi được bộ phận văn phòng (khoa hoặc phòng Đào tạo) ghi thành điểm F vào bảng ghi điểm chính thức của học phần. Điểm cấm thi là điểm tổng kết của học phần.

2. Miễn thi là một hình thức thưởng điểm cho các sinh viên : đăng ký học học phần và đã hoàn thành xuất sắc các phần yêu cầu bắt buộc của học phần; đặc biệt đạt điểm cao trong các kỳ kiểm tra thường xuyên hay các kỳ thi Olympic cấp quốc gia; có đề tài cấp bộ, cấp quốc gia về lĩnh vực trực tiếp liên quan tới học phần. Khi hội đủ điều kiện, cán bộ giảng dạy và đơn vị liên quan làm thủ tục ghi điểm miễn - điểm M cho sinh viên vào bảng điểm học phần.

Điểm chính thức (hệ 4) ghi cho sinh viên được miễn thi do khoa xét duyệt đề nghị, điểm miễn này là điểm tổng kết học phần (điểm cải thiện trong trường hợp đã có điểm trước đó).

3. Điểm "chưa hoàn tất" - sau đây gọi là "Điểm I", được Phòng Đào tạo xét và ra quyết định cấp cho một sinh viên trong kỳ thi tập trung cuối kỳ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- SV đã đăng ký, được xếp thời khóa biểu và hoàn thành các phần bắt buộc của học phần như : đi học đầy đủ, dự các lần kiểm tra, hoàn tất các phần thí nghiệm, thực hành,...;
- Đã nộp đủ học phí của học kỳ tương ứng;
- Không bị cán bộ giảng dạy đề nghị cấm thi.
- Vì một lý do khách quan, bất khả kháng, không thể hoàn thành một phần khối lượng yêu cầu bắt buộc của học phần hoặc thông thường là do vắng ngay trong buổi thi.

Điểm I được cấp cho cột điểm thi tập trung cuối kỳ theo 02 loại trường hợp sau:

a. Nếu do trùng lịch học, lịch thi hay được cử đi thi Olympic, tham dự các chuyên đề ngắn hạn, các hoạt động đoàn thể xã hội,... thì sinh viên phải làm đơn đề nghị được nhận điểm I ngay khi sự việc phát sinh kèm theo các xác nhận cần thiết, không trễ hơn ngày xin được vắng thi.

b. Nếu vì các lý do đột xuất (ốm đau, tai nạn,...) thì sinh viên phải nộp đơn hoặc nhờ người nộp đơn xin điểm I ngay cho phòng Đào tạo kèm theo các hồ sơ chứng cứ liên quan. Các đơn nộp trễ quá 05 ngày tính từ ngày đã phải nghỉ thi (chỉ tính ngày làm việc) được coi là không hợp lệ, sẽ không được xem xét giải quyết điểm I.

Đối với sinh viên có lý do chính đáng phải vắng trong buổi kiểm tra tập trung giữa kỳ :

- Trường hợp có quyết định của trường cử đi thi Olympic, tham dự các chuyên đề ngắn hạn, các hoạt động đoàn thể xã hội,... sinh viên hoặc đơn vị liên quan làm thủ tục để cho phép ghi điểm kiểm tra bằng với điểm thi cuối kỳ (lấy điểm thi là điểm tổng kết học phần).
- Các trường hợp khác, sinh viên nộp đơn xin phép theo trình tự đã quy định Phòng Đào tạo sẽ xét hồ sơ và lấy ý kiến của cán bộ giảng dạy học phần để ra quyết định cho điểm I.

Trong thời hạn 01 năm học kế tiếp, sinh viên có quyết định điểm I phải theo dõi lịch học, lịch thi (tất cả các học kỳ kể cả trong lớp dự thính) để đăng ký xóa điểm I khi trường có tổ chức đánh giá phần tương ứng của học phần. Sau thời hạn 1 năm này, nếu sinh viên chưa có điểm để đánh giá học phần, điểm I tự động được chuyển thành điểm F.

**4.** Điểm Z được phòng Đào tạo xét và ra quyết định cấp cho một sinh viên theo các điều kiện sau:

- Có bản chính kết quả đăng ký học phần – thời khóa biểu của học kỳ;
- Đã nộp đủ học phí của học kỳ tương ứng;
- Sinh viên có đơn đề nghị không tham gia đánh giá một hoặc một số học phần trong thời khóa biểu – xin điểm Z.

Thời hạn nộp đơn xin nhận điểm Z là 5 tuần đầu của học kỳ tương ứng, trừ các trường hợp có lý do bất khả kháng có nộp chứng cứ kèm theo. Các cột điểm (nếu có) của học phần đã được cấp quyết định điểm Z không tính vào kết quả học tập của sinh viên.

**5.** Một học phần A được cho phép miễn học theo diện bảo lưu kết quả (điểm) khi sinh viên đã hoàn tất đạt yêu cầu môn tương đương trong thời gian học để lấy văn bằng thứ nhất của trường.

Việc xem xét tương đương miễn học, bảo lưu kết quả đối với sinh viên thuộc diện chuyển trường hoặc chuyển từ nước ngoài về sẽ do Hiệu trưởng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Khoa quản lý học phần. Môn miễn học trường hợp này được ghi điểm X trong phần điểm bảo lưu (nằm ngoài bảng điểm các học kỳ sinh viên học tại trường).

Thời gian bảo lưu các kết quả học tập của các học phần là không quá 5 năm tính cho đến ngày xét.

Sinh viên đã có các quyết định xóa tên do bỏ học, nghỉ học hoặc bị buộc thôi học nếu tham gia thi lại tuyển sinh và trúng tuyển vào hệ chính quy thì phải học lại toàn bộ CTĐT – không được xét miễn học phần trừ các học phần đã được cấp các chứng chỉ riêng (Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục thể chất).

*Lưu ý :* Do tính độc lập của việc xây dựng giáo trình ở mỗi trường, Trường Cao đẳng Viễn Đông chỉ xét **Điều 24.5** cho các học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

Đối với các học phần khác, Hiệu trưởng sẽ xem xét và có quyết định căn cứ theo kết quả kiểm tra (thời lượng và kiến thức của sinh viên) của Bộ môn quản lý học phần.

### **Cách tính điểm trung bình chung**

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy
- $a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$
- $n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$
- $n$  là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

### **Số tín chỉ tích lũy và điểm trung bình tích lũy**

1. Số tín chỉ tích lũy (STCTL) là tổng số tín chỉ của các học phần sinh viên đã đăng ký, đã học và có điểm tổng kết đạt yêu cầu (kể cả các học phần được bảo lưu, miễn học, miễn thi). STCTL được tính 01 lần cho mỗi mã số học phần có điểm đạt (cũng chỉ tính 1 lần cho các môn cải thiện điểm) và tính cả các môn được bảo lưu – điểm X.
2. Điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) là điểm trung bình có hệ số (số tín chỉ của học phần) của tất cả điểm tổng kết các học phần mà sinh viên đã học kể từ khi nhập học cho đến thời điểm tính bao gồm cả các môn được bảo lưu và có điểm. Đối với học phần mà sinh viên học và có điểm tổng kết nhiều lần, trường sẽ lấy điểm cao nhất (đạt hoặc không đạt) mà sinh viên có (trong số các lần học) để tính ĐTBTL. ĐTBTL tính theo thang điểm 4 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Khi tính ĐTBTL thì không tính các điểm đặc biệt H, I, M, X, R, Z.
3. Số tín chỉ tích lũy ngành (STCTLN) là tổng số tín chỉ tích lũy của các học phần thuộc CTĐT ngành (kể cả các học phần tương đương hoặc thay thế cho học phần có trong CTĐT ngành).
4. Điểm trung bình tích lũy ngành (ĐTBTLN) là điểm trung bình có hệ số của các học phần có trong CTĐT ngành (kể cả các học phần tương đương hoặc thay thế cho học phần có trong CTĐT ngành).

ĐTBTL và STCTL là chỉ số để đánh giá chung về tiến độ học tập và học lực của sinh viên – chỉ số để xếp hạng kết quả học tập trong quá trình học tại trường. ĐTBTLN và STCTLN dùng để đánh giá mức độ hoàn thành CTĐT và là cơ sở để xếp hạng khi tốt nghiệp.

## **Phúc tra và khiếu nại điểm**

Điểm giữa kỳ (kiểm tra) hay các điểm thành phần được sinh viên khiếu nại trực tiếp với cán bộ giảng dạy khi công bố điểm trên lớp. Sau khi bảng ghi điểm đã nộp cho trường, sinh viên không còn quyền khiếu nại về cột điểm kiểm tra nữa. Để phúc tra bài thi cuối kỳ, sinh viên nộp đơn yêu cầu cho Khoa quản lý học phần trong thời gian 3 ngày kể từ ngày khoa dán công bố và gửi bảng ghi điểm lên trường. Thời hạn xử lý đơn công bố là 3 ngày kể từ ngày nộp đơn.

Trong trường hợp nhận thấy điểm chấm bằng máy (trắc nghiệm, thi trên máy) quá khác biệt với đánh giá bản thân (qua các đáp án được công bố), sinh viên có thể nộp đơn yêu cầu phòng Đào tạo kiểm tra lại dữ liệu chấm bài thi.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý học vụ, sinh viên có trách nhiệm thông báo và yêu cầu phòng Đào tạo kiểm tra lại các cột điểm tương ứng.

## **Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập**

Các bản sao bảng ghi điểm học phần được công bố cho sinh viên tại các bảng thông báo của khoa quản lý học phần theo phân cấp của trường. Các cột điểm thành phần được cán bộ giảng dạy thông báo cho sinh viên trong giờ học trên lớp, trong giờ thực hành, thí nghiệm. Bản gốc bảng ghi điểm được lưu tại phòng Đào tạo, các cột điểm được phòng Đào tạo cập nhật vào cơ sở dữ liệu của trường. Sinh viên có thể theo dõi trên trang WEB của Trường để biết kết quả học tập của mình.

Ngay khi có đầy đủ kết quả đánh giá các học phần trong học kỳ, sinh viên có thể xem được bảng tổng hợp kết quả đánh giá tất cả các môn đã đăng ký học để tự kiểm tra theo các bảng ghi điểm đã dán thông báo. Bảng tổng hợp này còn có thông tin về điểm trung bình học tập, số tín chỉ tích lũy để sinh viên kiểm tra, theo dõi tiến độ học tập của bản thân.

Mỗi năm 1 lần trường (khoa quản lý sinh viên) gửi qua đường bưu điện cho phụ huynh sinh viên bảng thông báo kết quả học tập, khen thưởng, kỷ luật và xử lý học vụ (nếu có) của sinh viên trong năm đã qua.

Trong quá trình học, sinh viên có quyền đề nghị phòng Đào tạo trường cấp bằng điểm chính thức của một hay nhiều học kỳ đã học để phục vụ các mục đích riêng. Bảng điểm này ghi kết quả học tập (đạt hoặc không đạt) của tất cả các học phần mà sinh viên có đăng ký trong học kỳ.

Sinh viên tốt nghiệp được cấp học bạ là kết quả của toàn bộ quá trình học tập của sinh viên tại trường theo từng học kỳ.

---

## **Chương IV**

### **XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**

## **Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi cuối khóa**

Năm học cuối khóa, các sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ được nhà trường xét cho làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi cuối khóa.

a. Tùy theo điều kiện đặc thù của từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể các điều kiện để được làm và bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Đồ án, khóa luận tốt nghiệp được coi là 1 học phần có khối lượng 5 tín chỉ .

b. Hình thức thi cuối khóa được áp dụng cho những sinh viên không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung thi cuối khóa gồm hai phần kiến thức: phần kiến thức cơ sở của ngành và phần kiến thức chuyên môn. Nội dung của mỗi phần kiến thức được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc và học phần tự chọn của ngành học. Mỗi phần kiến thức cấu trúc thành một học phần, tổng hai học phần cho hai phần kiến thức có khối lượng 5 tín chỉ .

Vào đầu học kỳ cuối cùng của khóa học, Nhà trường sẽ công bố nội dung của các học phần này để sinh viên lựa chọn và đăng ký.

c. Về hình thức làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và ôn tập thi cuối khóa; về trách nhiệm của giảng viên, của Bộ môn và Khoa trong việc hướng dẫn sinh viên cũng như trong việc chấm và tổ chức bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp, chấm thi cuối khóa, ... sẽ do Hiệu trưởng quy định cụ thể.

## **Xét và công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp hệ chính quy theo một ngành hoặc chuyên ngành đào tạo tại trường nếu hội đủ các điều kiện sau đây :

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của trường theo đúng ngành cấp bằng;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị kỷ luật đình chỉ học tập và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Hoàn tất toàn bộ CTĐT của ngành/chuyên ngành, có đủ số tín chỉ tích lũy qui định cho khóa ngành đào tạo và có ĐTBTLN không dưới 2,00.

Mỗi học kỳ chính, Hội đồng xét tốt nghiệp trường họp 01 lần để tiến hành xem xét và thông qua danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Dựa trên đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng tốt nghiệp cao đẳng chính quy và bảng điểm tốt nghiệp - học bạ. Học bạ chỉ có giá trị đi kèm văn bằng. Trong học bạ ghi chi tiết tất cả kết quả học tập của sinh viên (đạt hoặc không đạt) qua từng học kỳ học tại trường, các thông tin về ngành nghề và bằng cấp của sinh viên tốt nghiệp.

Những sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện thỏa mãn các điều kiện quy định trên sẽ được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo đúng ngành đã



được đào tạo. Trên bằng có ghi rõ: ngành đào tạo, loại hình đào tạo chính quy và hạng tốt nghiệp. Việc xếp loại thứ hạng tốt nghiệp quy định như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;

d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu bị rơi vào một trong các trường hợp sau đây :

- Có số học phần phải thi lại vượt quá 10% so với tổng số học phần quy định cho toàn khóa học.
- Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo ở cấp trường trở lên.

Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

#### **Thu hồi văn bằng chứng chỉ đã cấp :**

Các văn bằng hay chứng chỉ sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau :

- Bị phát hiện có chứng cứ gian lận trong quá trình học.
- Bị phát hiện có chứng cứ vi phạm “Quy chế văn bằng” do nhà nước ban hành.

Hiệu trưởng sẽ ra quyết định hủy bỏ việc công nhận tốt nghiệp, thu hồi văn bằng hoặc chứng chỉ trong các trường hợp trên và đương sự sẽ bị xử lý theo luật định.

#### **Về những trường hợp chưa được công nhận tốt nghiệp**

Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp được bảo lưu các học phần có kết quả từ 2,00 trở lên. Những sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình đào tạo của trường.

Đối với các trường hợp cụ thể khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng chấm và bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp và chấm thi cuối khóa.

---

## **Chương V CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.
2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

### **Học phí**

Tất cả sinh viên đều có nghĩa vụ đóng học phí và đóng đúng thời gian quy định của nhà trường. Học phí được đóng theo từng học kỳ. Những sinh viên không đóng học phí đúng thời gian quy định sẽ bị hủy kết quả đăng ký học phần của học kỳ đó.

### **Học bổng**

Hàng năm, tùy khả năng và nguồn tài trợ, nhà trường có thể cấp học bổng khuyến khích để động viên sinh viên trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào.

### **Bảo hiểm y tế**

Để bảo đảm quyền lợi và điều kiện học tập của sinh viên, nhà trường yêu cầu tất cả các sinh viên khi theo học tại trường đều phải đóng Bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước.

### **Hiệu lực thi hành**

Quy chế này được áp dụng cho các khóa đào tạo hệ chính quy tập trung. Mọi quy định trái với quy chế này không còn giá trị.

Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**TRẦN THANH HẢI**